

MÔ HÌNH ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG - TƯ (PPP) Ở VIỆT NAM

Thanh Kim Huệ*, Nguyễn Quang Hồng**

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) trong phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế, các hình thức đầu tư để mở mang phát triển kinh tế cũng có sự đa dạng, trong đó có hình thức hợp tác công – tư (PPP: Public - Private Partner). Hình thức này với Việt Nam còn là mới mẻ và đang trong quá trình nghiên cứu, triển khai. Mục đích bài viết là khái lược về hình thức đầu tư PPP và sự cần thiết của hình thức này trong hoạt động đầu tư xã hội nói chung. Đồng thời, bài viết đã chỉ ra tình hình áp dụng hình thức PPP ở Việt Nam thời gian qua và một số hạn chế trong triển khai. Từ kinh nghiệm một số nước như Nhật Bản, Hàn Quốc và Cộng hòa Liên bang Đức, bài viết đã có một số khuyến nghị nhằm tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy hình thức đầu tư này ở nước ta hiện nay.

Từ khóa: Đối tác công - tư; PPP; Đầu tư công; BOT.

1. Giới thiệu

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đang đặt ra nhiều vấn đề với mở mang phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật và các loại hình dịch vụ công. Xuất phát từ thực tế ấy, khi nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước cho hoạt động đầu tư này còn hạn chế thì hình thức đối tác công – tư (Public - Private Partnership, còn gọi tắt là PPP) đã xuất hiện. Có thể nói không chính phủ nào có thể đầu tư cho toàn bộ hệ thống cơ sở hạ tầng, nhưng cũng không nhà đầu tư tư nhân nào có thể làm được việc này vì đây là lĩnh vực đầu tư đòi hỏi vốn lớn nhưng lại chưa chắc chắn về hiệu quả kinh tế, thời gian đầu tư khá dài và chứa đựng nhiều rủi ro. PPP xuất phát từ việc Nhà nước và nhà đầu tư cùng phối hợp thực hiện dự án phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công trên cơ sở hợp đồng thực hiện dự án và sau đó được triển khai trong các lĩnh vực khác.

Hiện nay, để huy động các nguồn lực xã hội vào đầu tư phát triển, đặc biệt là lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng và dịch vụ công thì hình thức PPP là rất cần thiết. Vì vậy, hình thức đầu tư này cần được nghiên cứu cả về mặt lý luận và thực tiễn trong nước và kinh nghiệm nước ngoài để áp dụng ngày càng rộng rãi và có hiệu quả ở Việt Nam.

2. Tổng quan về mô hình đầu tư PPP

Đối tác công - tư (PPP) là việc nhà nước và nhà đầu tư (ngoài nhà nước) cùng phối hợp thực hiện dự án phát triển trên cơ sở hợp đồng dự án, đặc biệt là trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng và cung cấp dịch vụ công. Trong Hợp đồng theo mô hình PPP, nhà nước sẽ thiết lập các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ và tư nhân được khuyến khích tham gia đầu tư, cung cấp và được hưởng lợi qua cơ chế thanh toán theo chất lượng dịch vụ. Đây là một trong những hình thức hợp tác tối ưu hóa hiệu quả đầu tư và cung cấp dịch vụ công cộng, nó mang lại lợi ích hài hòa cho cả nhà nước, nhà đầu tư và người dân.

Hình thức PPP trên thế giới đã được thực hiện từ lâu. Ở các nước, qua Nguyễn Thanh Tâm (2013) và nhiều nhà nghiên cứu, thường có 05 hình thức thực hiện mô hình PPP phổ biến:

i) *Franchise (Nhuộm quyền khai thác)*: cơ sở hạ tầng được nhà nước xây dựng và sở hữu nhưng tư nhân được đấu thầu vận hành và khai thác trong một khoảng thời gian;

ii) *DBFO (Thiết kế - xây dựng - tài trợ - vận hành)*: Design- Build - Finance - Operate): tư nhân xây dựng, tài trợ và vận hành công trình trong một khoảng thời gian, nhà nước sở hữu công trình;

iii) *BOT (Xây dựng - vận hành - chuyển giao)*: Build - Operate - Transfer): Tư nhân xây dựng và

vận hành công trình trong một thời gian nhất định sau đó chuyển giao cho Nhà nước;

iv) *BTO (xây dựng - chuyển giao - vận hành: Build - Transfer - Operate)*: Tư nhân xây dựng và chuyển giao ngay cho sở hữu nhà nước, tư nhân vẫn được quyền vận hành khai thác công trình;

v) *BOO (xây dựng - sở hữu - vận hành: Build - Own - Operate)*: Tư nhân xây dựng công trình và vận hành công trình, công trình do tư nhân sở hữu.

Lý do cho sự hợp tác của Nhà nước với khu vực tư nhân trong đầu tư các dự án PPP là do hình thức này có những lợi thế sau:

i) Bổ sung nguồn vốn lớn để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của việc đầu tư vào lĩnh vực công cộng;

ii) Nâng cao hiệu quả trong việc thực hiện, điều hành và quản lý dự án;

iii) Tiếp cận, chuyển giao và hấp thụ công nghệ tiên tiến, tri thức quản lý hiện đại;

iv) Cho phép chia sẻ rủi ro dự án sang khu vực tư nhân.

Vì vậy nên thực tế, các nước đang có xu hướng chuyển cho khu vực tư nhân cung cấp các dịch vụ công cộng như xây dựng cơ sở hạ tầng, năng lượng, nước, viễn thông, giao thông vận tải, môi trường... Đặc biệt, với các nước đang phát triển, trong điều kiện nguồn vốn ngân sách nhà nước hạn hẹp hiện nay, việc kêu gọi các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách, đặc biệt là mô hình PPP đang hy vọng là giải pháp mang lại thành công trong các lĩnh vực, đặc biệt là dịch vụ công cộng.

3. Đầu tư theo hình thức PPP tại Việt Nam

Thời gian qua, đầu tư theo hình thức PPP đã xuất hiện tại Việt Nam. Có thể kể đến nhiều dự án PPP đã và đang được triển khai từ thập niên 1990 đến nay như: BOT cầu Cỏ May, BOT cầu Phú Mỹ, điện Phú Mỹ Nhiều nhà máy điện, nước khác đã và đang được thực hiện theo phương thức BOO.

Trong những năm tới theo ước tính trong Tạp chí Tài chính (2014), mỗi năm Việt Nam cần tới 15-16 tỷ USD cho phát triển cơ sở hạ tầng nhưng nguồn vốn Nhà nước mới chỉ đáp ứng chưa được một nửa số đó nên hình thức đầu tư theo mô hình PPP được xem là một trong những giải pháp được đặt nhiều kỳ vọng trong thời gian tới. Vì thế, PPP đang rất được quan tâm, thể hiện ở quyết tâm của Nhà nước thấy vai trò quan trọng của PPP trong tái cơ cấu đầu tư

công, 1 trong 3 trọng điểm tái cơ cấu nền kinh tế.

Chính phủ đã có Quyết định ban hành Quy chế thí điểm đầu tư theo hình thức PPP có hiệu lực từ tháng 01/2011 (Chính phủ, 2010). Trong nhiệm vụ của Chính phủ nhiệm kỳ 2011-2016, Thủ tướng Chính phủ (2011) đã khẳng định “Phải huy động ngày càng nhiều đầu tư của xã hội cho phát triển kết cấu hạ tầng”, thúc đẩy thực hiện các phương thức đầu tư hiệu quả, “nhất là phương thức đối tác công - tư”. Kết luận cuộc họp mới đây về PPP, lãnh đạo Chính phủ đã khẳng định rằng đây là hình thức đầu tư mới, cần phải nghiên cứu kỹ và Chính phủ sẽ có Nghị định chuyên về PPP.

Tuy không có tên gọi chính thức ngay từ đầu, nhưng về thực chất mô hình PPP đã được áp dụng ở Việt Nam từ thập niên 1990 đến nay trong phát triển hạ tầng kỹ thuật như cầu cảng, nhà máy phát điện theo cả hình thức BOT và BOO, trong đó mô hình BOT có 26 dự án với tổng mức đầu tư là 128 ngàn tỷ đồng. Theo La Hoàn (2014), Ngân hàng Thế giới đã tính toán được trong giai đoạn 1994-2009, Việt Nam đã có 32 dự án được thực hiện theo mô hình PPP với tổng mức vốn cam kết khoảng 6,7 tỉ USD, trong đó mô hình BOT và BOO chiếm tỷ phần chủ yếu. Hình thức đầu tư cũng đa dạng, năm 2010, hình thức 100% vốn nước ngoài chiếm 8%, hình thức liên doanh chiếm 7%, hình thức cổ phần chiếm 4% và hợp đồng hợp tác vốn đầu tư chiếm 1% trên tổng số dự án cấp mới. Gần đây, nhờ có giải pháp thúc đẩy và hỗ trợ của Nhà nước, hình thức đầu tư theo mô hình PPP đã bắt đầu có phát triển so với các hình thức đầu tư khác.

Về khuôn khổ pháp lý bước đầu, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định 71/2010/QĐ-TTg về việc ban hành “Quy chế Thí điểm đầu tư theo hình thức PPP” có hiệu lực từ ngày 15/1/2011 (Thủ tướng Chính phủ, 2010); Quyết định 1624/QĐ-TTg ngày 29/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Chỉ đạo về đầu tư theo hình thức PPP (Thủ tướng Chính phủ, 2012b). Việc bật đèn xanh của Chính phủ trong lĩnh vực đầu tư này đã thu hút ngay sự quan tâm của các nhà đầu tư trong và ngoài nước đối với mô hình PPP. Ngoài ra, Chính phủ cũng có Nghị định số 108/2009/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức Hợp đồng BOT, BTO, BT đã ban hành khuyến khích các nhà đầu tư tham gia đầu tư theo hình thức này (Chính phủ, 2009).

Kể từ khi ban hành Quyết định 71/2010/QĐ-TTg

của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm triển khai dự án theo hình thức PPP, đến cuối năm 2013, đã có 180 dự án đầu tư được đề xuất thực hiện theo mô hình PPP, mới có 10 dự án khả thi được Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét (Nguyễn Hồng Thái và Thân Thanh Sơn, 2013).

Nhưng đến nay, theo Diễn đàn doanh nghiệp (2013) và Lieven và Nasir (2014) thì chỉ có 4 dự án thí điểm đầu tiên được lựa chọn là Dự án xây dựng đường vành đai 4 Hà Nội (dài 136km, vốn đầu tư 71.950 tỷ đồng), Dự án xây dựng nhà máy cung cấp nước sạch sông Hậu 1 (Công suất 500.000m³/ngày, vốn đầu tư 12 ngàn tỷ đồng), Dự án đầu tư xây dựng đường nối thành phố Hạ Long- Hải Phòng (dài 25 km, vốn đầu tư 300 triệu USD) và Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc trên cao số 1 (TP Hồ Chí Minh). Bên cạnh đó, còn có dự án đầu tư đường cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết có chiều dài 100 km, mặt cắt ngang đường 33 mét gồm 6 làn xe với vận tốc thiết kế 120km/h. Dự án này có tổng mức đầu tư tới hơn 14 ngàn tỷ đồng (tương đương 680 triệu USD) mà Chính phủ đã giao cho Tập đoàn Bitexco thực hiện trong 36 tháng theo Hợp đồng PPP.

Nói chung, đến nay mô hình PPP đã áp dụng ở Việt Nam với hai hình thức chủ yếu là BOO và BOT nhưng còn hạn chế cả về số lượng dự án và tổng mức đầu tư. Đặc biệt, khi triển khai dự án PPP cũng cần những điều kiện nhất định về pháp lý, về hỗ trợ của Nhà nước và đặc biệt là vấn đề chia sẻ lợi ích và phân bổ rủi ro thực tế chưa tạo động lực mạnh hấp dẫn các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Vì thế, Nhà nước cần đưa ra biện pháp cải thiện môi trường đầu tư để có thể tận dụng tốt nguồn vốn từ các nhà đầu tư nước ngoài cũng như trong nước một cách hiệu quả và có lợi cho hai bên tham gia dự án PPP.

4. Kinh nghiệm một số nước trong thực hiện PPP

Mô hình PPP thực sự bắt đầu phổ biến trên thế giới từ những năm 1980 và đến nay nó đã đóng một vai trò quan trọng nhất định trong việc phát triển cơ sở hạ tầng ở các nước, đặc biệt ở các nước công nghiệp phát triển. Mô hình PPP hiện đại được coi là ví dụ điển hình là dự án Đường hầm qua eo biển Manche (Eurotunnel) thực hiện từ năm 1987, trong đó Chính phủ hai nước Anh và Pháp triển khai một dự án có huy động vốn từ khu vực tư nhân một cách có hệ thống để xây dựng một công trình công cộng tầm cỡ lớn. Trong những năm tiếp theo, hình thức

này được triển khai trên phạm vi rộng rãi hơn ở châu Âu. Theo Địa Ốc Việt (2013), đến cuối năm 2007, các dự án PPP ở châu Âu có giá trị tới 73,8 tỷ Euro, trong đó có tới hơn 74% được hình thành trong giai đoạn 2005 - 2007. Ba nước triển khai nhiều dự án PPP nhất ở châu Âu là Anh, Italia và Cộng hòa Liên bang (CHLB) Đức.

4.1. Kinh nghiệm Vương quốc Anh

Từ đầu thập niên 1960, nước Anh đã có những bắt đầu hình thành cơ chế PPP cho các dự án cung cấp dịch vụ công, đặc biệt là các dự án đảm bảo môi trường và xây dựng hệ thống giao thông (kênh đào, đường sắt, vận tải...). Nước Anh đã triển khai thành công nhiều dự án PPP từ những năm 1980. Theo La Hoàn (2013) và V.Huyền (2013), hàng năm các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trong các dự án PPP chiếm 11% trong tổng đầu tư công ở Anh. Để đảm bảo vốn cho các dự án PPP (thường thời gian triển khai rất dài từ 15-20 năm), Chính phủ Anh đã thiết lập liên minh các ngân hàng tham gia đầu tư và tài trợ cho các dự án dài hạn và khuôn khổ pháp lý chặt chẽ, đầy đủ theo hướng đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư, tạo bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước, giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân, thực hiện đấu thầu minh bạch, bình đẳng.

Kinh nghiệm nước Anh cho thấy, để thực hiện các dự án PPP thành công trước hết là mạnh dạn cho phép khu vực tư nhân tham gia vào các dự án công cộng, minh bạch hóa các chi phí trong dự án chỉ tiêu công, nâng cao hiệu quả mua sắm các dịch vụ công, đề cao tính cạnh tranh trong lĩnh vực đầu tư công, tăng cường huy động nguồn lực xã hội trong thực hiện các dự án dịch vụ công. Nhà nước cũng có những hỗ trợ mạnh mẽ trong đảm bảo nguồn vốn dài hạn cho các dự án đầu tư theo mô hình PPP.

4.2 Kinh nghiệm Hàn Quốc

Vào năm 1960, Hàn Quốc là một trong những nước nghèo nhất trên thế giới, nhưng đến nay, Hàn Quốc đã có mức thu nhập cao. Sự phát triển thần kỳ này được cho chủ yếu là do những tiến bộ vượt bậc trong xây dựng cơ sở hạ tầng. Trong đó, đặc biệt kể đến là việc phát huy vai trò to lớn của khu vực tư nhân trong việc cung cấp kết cấu hạ tầng công cộng như: sân bay, giáo dục, rừng, văn hóa và du lịch, đường bộ, đường sắt, cảng, truyền thông, tài nguyên nước, năng lượng, môi trường; ngoài ra còn cả các lĩnh vực như nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, tổ hợp

công nghiệp, kho vận. Các dự án thuộc 16 nhóm công trình của Hàn Quốc hội đủ điều kiện để triển khai PPP. Theo Bích Thảo (2013), tính đến năm 2012, Hàn Quốc đã triển khai hơn 600 dự án PPP và một ví dụ rất hiệu quả là Thủ đô Seoul (Hàn Quốc) đã xây dựng tuyến xe điện ngầm số 9 theo hình thức PPP. Khi hoàn thành dự án, mỗi ngày tuyến đường này phục vụ 256.000 lượt khách, năm 2013 đã thu hút hơn 750.000 lượt khách/ngày góp phần giảm thiểu phương tiện cá nhân và ách tắc giao thông.

Bài học kinh nghiệm của Hàn Quốc trong thúc đẩy sự phát triển mô hình PPP là phải có sự chuẩn bị kỹ càng trước khi áp dụng:

- *Về hành lang pháp lý:* Hàn Quốc đã chính thức ban hành Luật PPP (1994) và liên tục được sửa đổi, bổ sung qua các năm 1999, 2005 để phù hợp hơn với tình hình mới. Hàn Quốc cũng ban hành các nghị định về hiệu lực thực thi luật PPP để đảm bảo và nâng cao vai trò của khu vực tư nhân trong các dự án PPP;

- *Về đơn vị chịu trách nhiệm:* Bộ Chiến lược và Tài chính là đơn vị chủ trì, phối kết hợp với các bộ Tài nguyên, Vận tải, Văn hóa, Môi trường,... Hàn Quốc còn có đơn vị chuyên đánh giá, thẩm định các dự án, chương trình để tránh những sai lệch trong quá trình đánh giá, lựa chọn dự án;

- *Về hỗ trợ Nhà nước:* Nhà nước đã có những chính sách hỗ trợ hiệu quả giúp các doanh nghiệp tư nhân có những động lực thực hiện các chương trình kết cấu hạ tầng. Các chính sách hỗ trợ gồm: Trợ cấp xây dựng cho doanh nghiệp để tránh thiệt thòi khi tham gia các chương trình hợp tác; Chia sẻ rủi ro: đảm bảo doanh thu của các doanh nghiệp khi gặp rủi ro, nhưng phải minh bạch trong tính toán doanh thu thực tế của các doanh nghiệp tham gia dự án PPP; Có Quỹ bảo lãnh tín dụng kết cấu hạ tầng: quỹ này ưu đãi áp dụng cho các khoản vay cho dự án PPP và trái phiếu được phát hành theo luật PPP.

4.3 Kinh nghiệm CHLB Đức

Qua Hội thảo của Học viện Hành chính quốc gia (2009), CHLB Đức mới bắt đầu triển khai dự án đầu tư theo mô hình PPP từ năm 2003, nhưng sau 10 năm, đã có 243 dự án PPP trên mọi lĩnh vực (chiếm hơn 15% tổng số dự án đầu tư xây dựng các công trình công cộng ở CHLB Đức). Mô hình này đã ngày càng được triển khai rộng rãi có sự gia tăng về số lượng và quy mô của các dự án PPP qua từng năm.

Kinh nghiệm cho thấy, để phát triển mô hình PPP, trước hết CHLB Đức xác định hoàn thiện khung thể chế cho loại hình này theo hướng chia sẻ rủi ro, nâng cao hiệu quả đầu tư. Sau khi ban hành Luật Thúc đẩy các dự án PPP (2005), CHLB Đức đã sửa đổi, bổ sung một số Luật liên quan để hoàn thiện khung khổ pháp lý cho phương thức PPP như Luật về việc tư nhân xây dựng và cấp vốn xây dựng đường quốc lộ liên bang (2006), Luật Thuế chuyển giao bất động sản sửa đổi (2011 và 2013), Luật Ngân sách sửa đổi (2013),...

Kinh nghiệm thực hiện PPP trên thế giới cho thấy, để các dự án PPP thành công và đem lại hiệu quả cần phải nhận thức đúng đắn về hình thức đầu tư này: chia sẻ hài hòa lợi ích và rủi ro giữa Nhà nước và nhà đầu tư. Trước hết, Nhà nước cần có hệ thống văn bản luật thống nhất, văn bản hướng dẫn thực hiện chi tiết đặc biệt quan tâm đến trách nhiệm hỗ trợ tài chính của Chính phủ và xác định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm thực hiện các dự án PPP.

5. Một số khuyến nghị

Từ kinh nghiệm các nước đi trước và rất thành công trong thực hiện đầu tư theo mô hình PPP và thực tế đặt ra ở nước ta, nhóm tác giả có một số khuyến nghị bước đầu nhằm thúc đẩy hình thức đầu tư này:

5.1. Cần sớm có khung pháp lý đầy đủ cho hình thức đầu tư PPP

Trước hết là phải có luật đầu tư PPP, sau đó là việc sửa đổi và bổ sung các luật khác liên quan cho phù hợp. Chính phủ cần phải ban hành những quy định cụ thể, các quyền lợi và trách nhiệm của các bên khi tham gia các dự án PPP cũng như những mục tiêu và phương thức lựa chọn các dự án PPP để tạo nên khung hành lang pháp lý đầy đủ về PPP.

Cần có các quy định cụ thể trong xây dựng và quản lý dự án PPP, bao gồm: Xây dựng quy trình (xác định mục tiêu, thẩm định, đấu thầu, quản lý, giám sát hợp đồng PPP); Yêu cầu về thể chế (Luật về PPP, văn bản dưới luật phải thống nhất, ổn định, khả thi để quản lý các dự án PPP; hình thức và cấu trúc của các cơ quan quản lý hoạt động PPP phù hợp); Yêu cầu về thương mại, tài chính và kinh tế; Yêu cầu về tham vấn các bên liên quan; Chiến lược và lộ trình rõ ràng đối với lĩnh vực thực hiện đầu tư PPP; Cam kết rõ ràng sự hỗ trợ của Chính phủ.

5.2. Nhà nước cần có khảo sát và dự báo

trướckhi quyết định triển khai các dự án PPP

Các cơ quan quản lý nhà nước cần phải có những nghiên cứu và dự báo chính xác thực trạng và biến động của môi trường kinh doanh, lường được các rủi ro, yếu tố có ảnh hưởng đến triển khai dự án PPP. Hợp đồng ký kết giữa chính quyền và nhà đầu tư cần rõ ràng, minh bạch là điều kiện tiên quyết để chính quyền đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư và là cơ sở cho chính quyền tận dụng hiệu quả nhất tính năng động và cạnh tranh của khu vực tư nhân.

5.3. Có những chính sách hỗ trợ phù hợp nhằm đảm bảo lợi ích và chia sẻ rủi ro của các bên

Trong suốt thời hạn của một dự án PPP, đặc biệt là trong cơ sở hạ tầng, các nhà đầu tư tư nhân phải đối mặt với nhiều rủi ro mà họ cần xem xét: rủi ro đầu thầu, rủi ro đàm phán, rủi ro thực hiện, rủi ro vận hành và rủi ro từ chính sách. Khó khăn lớn nhất đối với dự án PPP là vấn đề chia sẻ rủi ro, điều mà dự án đầu tư công không tính đến, đặc biệt là trong điều kiện lạm phát không ổn định. Do các dự án PPP thường chịu nhiều tác động của môi trường chính sách và xã hội, vì vậy các điều khoản trong hợp đồng cần linh hoạt, có điều chỉnh phù hợp để tránh thiệt hại cho nhà đầu tư cũng như Nhà nước.

Vì vậy, Chính phủ cần đưa ra những chính sách đảm bảo được hoạt động của các doanh nghiệp tham gia dự án PPP cũng như tạo thuận lợi cho các doanh

nh nghiệp này trong quá trình thực hiện dự án như: hỗ trợ nguồn tín dụng, trợ cấp rủi ro, đảm bảo quyền lợi lâu dài... Đặc biệt lưu ý cân nhắc tỷ lệ góp vốn giữa Nhà nước và tư nhân theo hướng tăng tỷ lệ góp vốn Nhà nước lên tối đa đến 50% (hiện nay đang là tỷ lệ 30% vốn Nhà nước và 70% vốn tư nhân).

5.4. Cần có cơ chế để quản lý mối quan hệ giữa nhà đầu tư tư nhân và cơ quan quản lý nhà nước

Giải quyết tốt mối quan hệ này trong thời gian hợp đồng là rất quan trọng đảm bảo thành công của một dự án PPP vì hợp đồng PPP thường có thời hạn dài hơn so với hợp đồng xây dựng thông thường.

6. Kết luận

PPP là hình thức đầu tư mới đang được nghiên cứu và thực hiện ở Việt Nam. Nó có khả năng to lớn để thu hút thêm nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách cho phát triển cơ sở hạ tầng của Việt Nam. Mô hình PPP trong đầu tư nâng cao chất lượng các dịch vụ công được chú ý vì nhiều chuyên gia và các nhà chính sách cho rằng đây hướng đi đúng đắn của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, để mô hình này hoàn thiện và phát triển, đem lại lợi ích cho cả xã hội, nhà đầu tư và người dân, cần có sự nhìn nhận và đánh giá về PPP phù hợp để có những giải pháp và bước đi phù hợp đối với hình thức đầu tư có nhiều kỳ vọng trong tương lai. □

Tài liệu tham khảo:

- Bích Thảo (2013): “Kinh nghiệm triển khai thành công các dự án PPP của Hàn Quốc” – Báo Đầu thầu điện tử, truy cập ngày 22/12/2013 từ <<http://muasamcong.vn/danh-muc-tin/Detail/kinh-nghiem-trien-khai-thanh-cong-cac-du-an-ppp-cua-han-quoc>>
- Chính phủ (2009), “Nghị định số 108/2009/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức Hợp đồng BOT, BTO, BT”, truy cập ngày 01/12/2013 từ <<http://luatdoanhgia.vn/Van-ban-luat/Nghi-dinh/Nghi-dinh-so-108-2009-ND-CP-ve-dau-tu-theo-hop-dong-BOT-BTO-BT/155-157c793.html>>
- Chính phủ (2014): “PPP và lời kêu gọi của Phó Thủ tướng”, truy cập ngày 22/9/2013 từ <[http://chuoigiatri.com.vn/tintuc/c-hi-u-t/211-mo-hinh-u-t-ppp-la-gii-phap-ti-u-cho-o-th-vit-nam.html](http://baodientu.chinhphu.vn/Kinh-te/PPP-va-loi-keu-goi-cua-Pho-Thu-tuong/181242.vgp.></p><p>Địa Ốc Việt (2012): “Mô hình đầu tư PPP là giải pháp tối ưu cho đô thị Việt Nam”, truy cập ngày 06/3/2011 từ <
- Diễn đàn doanh nghiệp (2013): “Cần trọng chọn dự án PPP”, truy cập ngày 10/10/2013 từ <<http://ddd.com.vn/dau-tu/can-trong-chon-du-an-ppp-20131009030115460.htm>>
- Học viện Hành chính quốc gia (2009): Hội thảo quốc tế về “Đối tác công tư” với CHLB Đức. Học viện Hành chính tháng 9/2009.
- La Hoàn (2013), “Thực trạng đầu tư theo hình thức PPP tại Việt Nam”, Trung tâm thông tin và dự báo kinh tế - xã hội quốc gia, truy cập ngày 24/10/2013 từ <<http://www.ncseif.gov.vn/sites/vie/Pages/thuctrangdaututheohinh-nd-16668.html>>
- Lieven, Jacquemyn và Nasir, PKM Abdul (2014), “Hoạt động hợp tác công ty (PPP) tại Việt Nam: Chờ hành lang

- pháp lý”: truy cập ngày 11/3/2010 từ <<http://ddd.com.vn/dien-dan-luat-phap/hoat-dong-ppp-tai-vn—cho-hanh-lang-phap-ly-20100225110418945.htm>>
- Nguyễn Thanh Tâm (2013): “Đầu tư dự án theo hình thức hợp tác công tư (PPP)”, Cổng thông tin điện tử Đà Nẵng, truy cập ngày 20/11/2013 từ <http://www.danang.gov.vn/portal/page/portal/danang/chuyen_de/dbgt_asxh/thu_tuc_hanh_chinh_gtdb?p_pers_id=&p_folder_id=&p_main_news_id=48018277&p_year_sel=>>
- Nguyễn Hồng Thái và Thân Thanh Sơn (2013), “PPP trong phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ”, truy cập ngày 24/10/2013 từ <<http://kinhtevadubao.com.vn/dinh-huong-phat-trien/PPP-trong-phat-trien-co-so-ha-tang-giao-thong-duong-bo-1625.html>>
- Tạp chí Tài chính (2014): “Lo ngại PPP tùy tiện”: truy cập ngày 24/01/2014 từ <<http://www.tapchitaichinh.vn/Kinh-te-Dau-tu/Lo-ngai-ap-dung-PPP-tuy-tien/41672.tctc>>.
- Thủ tướng Chính phủ (2010), Quyết định số 71/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thí điểm đầu tư theo hình thức đối tác công – tư, ban hành ngày 09 tháng 11 năm 2010.
- Thủ tướng Chính phủ (2011): “Thực hiện tốt ba khâu đột phá chiến lược mà Đại hội XI đề ra là nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ nhiệm kỳ 2011-2016”, truy cập ngày 01/8/2011 từ <<http://www.doanhnhansaigon.vn/online/tin-tuc/chinh-tri-xa-hoi/2011/08/1056578/thuc-hien-tot-3-khau-dot-pha-chien-luoc/>>
- Thủ tướng Chính phủ (2012a), Quyết định số 161/QĐ-BCĐPPP của Phó Thủ tướng, Trưởng Ban Chỉ đạo về đầu tư theo hình thức đối tác công - tư, ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, ban hành ngày 11 tháng 12 năm 2012
- Thủ tướng Chính phủ (2012b), Quyết định số 1624/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo về đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP), ban hành ngày 29 tháng 10 năm 2012.
- V.Huyền (2013): “Kinh nghiệm đầu tư theo hình thức PPP của Anh”, truy cập ngày 4/9/2013 từ <<http://www.muasamcong.vn/danh-muc-tin/detail/kinh-nghiem-dau-tu-theo-hinh-thuc-ppp-cua-anh>>.

The Investment Model of Public - Private Partnership (PPP) in Vietnam

Abstract

Public - Private Partner (PPP) is a type of investment which is relatively new to Vietnam and needed to study and develop. This article aims at determining the conception and the role of PPP in social investment. It also examines the current situation of PPP and the limitations associated with its implementation in Vietnam during the last few years. Based on the lessons from other countries including Britain, Japan, Korea and Germany, the authors propose some suggestions to create more favorable environment for the PPP in Vietnam.

Thông tin tác giả:

* **Thanh Kim Huệ**, thạc sĩ

- Đơn vị công tác: Học viện Ngân hàng – Phân viện Bắc Ninh

- Lĩnh vực nghiên cứu: Kinh tế, Ngân hàng – Tài chính

- Một số tạp chí tác giả đã đăng bài: Tạp chí Kinh tế và Phát triển,

E mail: thanhkimhuevn@yahoo.com

** **Nguyễn Quang Hồng**, Phó giáo sư, tiến sĩ

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu: Kinh tế, quản trị kinh doanh

- Một số tạp chí tác giả đã đăng bài: Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán, Tạp chí Lao động xã hội...

E mail: hongktc@gmail.com